

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2018/DS-ST
Ngày: 10-7-2018
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thành Phong – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q, địa chỉ trụ sở: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Viết H, trú tại: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số: 119/2017/UQ-NCB ngày 31 tháng 5 năm 2017). (Có mặt).

2.Bị đơn: Ông Lê Trí N, sinh năm: 1982; bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1985, địa chỉ cư trú: Đường D, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Văn P, trú tại: Đường D, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền số: 015608 ngày 11 tháng 8 năm 2017). (Có mặt).

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Lê Thị M, sinh năm: 1955, địa chỉ cư trú: Xã G, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (Có đơn xin vắng mặt).

3.2 Ông Nguyễn Quang D, sinh năm: 1964, địa chỉ cư trú: Đường I, Phường K, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

4. Người làm chứng:

4.1 Ông Lê Trí H, sinh năm: 1983, địa chỉ cư trú: Đường D, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

4.2 Ông Nguyễn Tiến K, sinh năm: 1983, địa chỉ cư trú: Đường M, Phường N, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2017 của ngân hàng thương mại cổ phần Q (Sau đây viết tắt là ngân hàng) và quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày giữa ngân hàng và ông Lê Trí N, bà Nguyễn Thị Minh T có ký kết hợp đồng tín dụng số: 096/16/HĐCV/101-62 ngày 30/3/2016, theo hợp đồng thì ông N và bà T vay ngân hàng số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng, phương thức trả nợ: Trả lãi, trả gốc hàng tháng, mục đích vay: Hoàn vốn mua xe ô tô Madaz CX-5, lãi suất vay: 9,5%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên và được điều chỉnh cộng biên độ 4% các kỳ tiếp theo, lãi quá hạn: 150% lãi trong hạn. Tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô Mazda CX-5, biển kiểm soát: 51F-560.54, số khung: RN2KES57D6FC021605, số máy: PE10252142, số chỗ ngồi: 5 chỗ, màu sơn: Vàng theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 126004 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/12/2015 và hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 096/16/HĐTC/101-62 ngày 30/3/2016. Thực hiện hợp đồng, ông N và bà T đã nhận đủ tiền và thanh toán cho ngân hàng tính đến ngày 25/6/2016 với số tiền nợ gốc 44.400.000 đồng và tiền lãi 23.656.833 đồng. Sau ngày 25/6/2016, ông N và bà T không thanh toán bất cứ khoản nào dù ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N và bà T trả một lần số tiền nợ gốc tính đến ngày 31/5/2017 là 755.600.000 đồng và tiền lãi quá hạn 69.182.487 đồng, tổng cộng: 824.782.487 đồng.

Trong trường hợp, ông N và bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô Mazda CX-5, biển kiểm soát: 51F-560.54 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 126004 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/12/2015 được thế chấp theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 096/16/HĐTC/101-62 ngày 30/3/2016.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu ông N và bà T trả tiền nợ gốc tính đến ngày 10/7/2018 là 755.600.000 đồng, tiền lãi trong hạn 169.410.951,67 đồng, tiền lãi quá hạn 4.081.445,37 đồng và tiền phạt chậm trả lãi 8.050.971 đồng, tổng cộng: 937.143.368 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử

sơ thẩm, ông N và bà T có trách nhiệm tiếp tục trả lãi cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số: 096/16/HĐCV/101-62 ngày 30/3/2016 tương ứng với số tiền chưa thanh toán cho đến khi ông N và bà T trả nợ xong.

Quá trình tham gia tố tụng, Ông P là đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn là giữa ông N, bà T và ngân hàng có ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp xe ô tô và còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc tính đến ngày 31/5/2017 là 755.600.000 đồng và tiền lãi quá hạn 69.182.487 đồng, tổng cộng: 824.782.487 đồng đúng như lời trình bày của đại diện nguyên đơn. Ông N chết ngày 10/4/2016, bà T không có khả năng trả nợ ngân hàng nên thỏa thuận với ông Nguyễn Quang D về việc giao xe ô tô Mazda CX-5, biển kiểm soát: 51F-560.54 cho ông D và ông D có trách nhiệm thanh toán tiền hàng tháng cho ngân hàng. Tuy nhiên, ông D không thực hiện theo đúng cam kết ban đầu và chỉ thực hiện nộp tiền vào ngân hàng từ tháng 4/2016 đến tháng 7/2016. Ông P đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với bà T trước vì bà T phải chờ kết quả giải quyết của Tòa án về hợp đồng tín dụng mà ngân hàng khởi kiện bà T. Sau khi có kết quả giải quyết của Tòa án về hợp đồng tín dụng này thì bà T mới xem xét có khởi kiện, yêu cầu cụ thể như thế nào đối với ông D hay có tranh chấp hợp đồng mua bán xe với ông D hay không. Nếu sau này có chính thức quyết định khởi kiện ông D về hợp đồng mua bán xe thì bà T sẽ làm đơn yêu cầu cụ thể và đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Về phía gia đình ông N thì ông N không có con, cha đã chết còn mẹ là bà Lê Thị P đã có văn bản từ chối nhận di sản từ ông N chết để lại.

Tại phiên tòa, ông P là đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Thống nhất còn nợ ngân hàng tính đến ngày 10/7/2018 với số tiền nợ gốc là 755.600.000 đồng, tiền lãi trong hạn 169.410.951,67 đồng, tiền lãi quá hạn 4.081.445,37 đồng và tiền phạt chậm trả lãi 8.050.971 đồng, tổng cộng: 937.143.368 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 3 năm 2018, bà M trình bày: Bà là mẹ của ông N. Khi ông N chết không để lại tài sản gì cho bà và bà cũng có lập văn bản từ chối nhận di sản thừa kế do ông N để lại nên việc ông N có vay tiền, thế chấp xe ô tô và nợ tiền ngân hàng không liên quan gì đến bà nên bà không có nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm gì liên quan đến tài sản là chiếc xe ô tô Mazda CX-5, biển kiểm soát: 51F-560.54 mà ngân hàng khởi kiện ông N. Bà P có đơn yêu cầu được vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng tại Tòa.

Tại bản tự khai ngày 11 tháng 12 năm 2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, ông D trình bày: Do ông Nguyễn Tiến K là nhân viên ngân hàng có nói với ông là bên ngân hàng có xe chiếc ô tô Mazda CX-5, biển kiểm soát: 51F-560.54 do ông Lê Trí N đứng tên cần thanh lý nên ông giới thiệu ông Phạm Thanh H mua xe của ông Lê Trí N việc mua bán xe giá bao nhiêu do hai bên

thỏa thuận. Ông có ký vào biên bản bán xe ngày 09/5/2016 ghi bên bán là bà Nguyễn Thị Minh T và bên mua là ông Nguyễn Quang D vì bà Nguyễn Thị Minh T và ông Phạm Thanh H không quen biết nhau nên ông và ông Nguyễn Tiến K đi cùng phải ký vào biên bản bán xe thì bà T mới giao xe. Ông D có đơn yêu cầu được vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng tại Tòa.

Người làm chứng:

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 01 năm 2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, ông K trình bày: Vào đầu năm 2016, ngân hàng có cho ông N và bà T vay tiền để mua xe Mazda CX-5, biển kiểm soát: 51F-560.54. Sau khi ông N chết, bà T và ông Lê Trí H có nhờ ông giới thiệu người mua xe của ông N nên ông có giới thiệu ông Nguyễn Quang D biết là bà T có nhu cầu bán chiếc xe ô tô nêu trên. Sau đó, hai bên gặp nhau trao đổi như thế nào thì ông không hề hay biết. Ông K có đơn yêu cầu được vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng tại Tòa.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 01 năm 2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, ông Lê Trí H trình bày: Ông là em trai của ông N. Ông thừa nhận việc ông N có vay tiền ngân hàng và thế chấp chiếc xe ô tô Mazda CX-5, biển kiểm soát: 51F-560.54. Do ông N chết và thấy hoàn cảnh bà T không có khả năng trả nợ cho ngân hàng. Qua sự giới thiệu của ông Nguyễn Tiến K là cán bộ ngân hàng, vào ngày 09/5/2016 ông có chứng kiến việc bà T có thỏa thuận bán xe ô tô Mazda CX-5, biển kiểm soát: 51F-560.54 cho ông Nguyễn Quang D với nội dung cụ thể là ông D nhận xe và có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền ông N và bà T đã vay 800.000.000 đồng, khi nào ông D trả nợ xong thì ngân hàng sẽ trả lại giấy tờ xe cho ông D. Nhưng ông D mới trả cho ngân hàng được 04 tháng tiền nợ gốc và lãi thì không tiếp tục trả nữa. Ông là người làm chứng cho việc bàn giao xe và thống nhất cách trả tiền của ông D. Ông Lê Trí H có đơn yêu cầu được vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng tại Tòa.

Bà M, ông D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ông K, ông H là người làm chứng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ngoài ra, các đương sự khác xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Hội đồng xét xử, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm có quyết định đưa vụ án ra xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể:

-Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

-Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

-Đã tiến hành thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo luật định.

-Việc gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

-Việc tổng đạt Giấy triệu tập, thông báo hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự đã được thể hiện đầy đủ trong hồ sơ và đúng quy định.

Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử còn trễ theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Minh T trả tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký; trường hợp bà T không thanh toán được các khoản nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi phạt chậm trả do theo Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước) và tại khoản 4 Điều 1 của Quyết định số: 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước) quy định: “*Việc phạt chậm trả đối với nợ quá hạn và nợ lãi vốn vay do hai bên thỏa thuận trên cơ sở quy định của pháp luật*”. Tức là, pháp luật không quy định cho áp dụng lãi phạt chậm trả độc lập với lãi quá hạn. Khi cho vay, ngân hàng được quyền áp dụng lãi trong hạn (Chỉ áp dụng trong thời hạn vay) và lãi quá hạn (Khi đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hạn quy định) và không cho phép áp dụng thêm một loại lãi nào khác trùng với thời gian đã áp dụng một trong hai loại lãi nói trên.

Án phí thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại số: Đường D, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Do đương sự: Bà M, ông D, ông K và ông Lê Trí H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về thời hạn chuẩn bị xét xử: Hội đồng xét xử thấy vụ án có nhiều tình tiết phức tạp do trở ngại khách quan nên thời hạn chuẩn bị xét xử còn trễ theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của đương sự: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ngân hàng thấy rằng, hợp đồng tín dụng số: 096/16/HĐCV/101-62 ngày 30/3/2016 mà ngân hàng ký kết với ông N và bà T là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 về nội dung lẫn hình thức của hợp đồng.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số: 096/16/HĐCV/101-62 ngày 30/3/2016, khế ước nhận nợ số: 01/2016/KUNN/096/16/101-62 ngày 01/4/2016, hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 096/16/HĐTC/101-62 ngày 30/3/2016 và lịch sử thanh toán nợ cũng như việc thừa nhận nợ của bị đơn thì đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N, bà T thanh toán số tiền còn nợ là có cơ sở để xem xét. Sau khi vay tiền của ngân hàng thì ông N, bà T phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng nhưng ông N, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết là vi phạm hợp đồng tín dụng số: 096/16/HĐCV/101-62 ngày 30/3/2016 mà các bên đã ký kết. Do đó, yêu cầu của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa buộc ông N, bà T phải hoàn trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc 755.600.000 đồng, tiền lãi trong hạn 169.410.951,67 đồng, tiền lãi quá hạn 4.081.445,37 đồng, tổng cộng: 929.092.397 đồng cho ngân hàng là có cơ sở để xem xét. Tuy nhiên, đối với yêu cầu của ngân hàng về tiền phạt chậm trả lãi 8.050.971 đồng, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận vì ngân hàng đã tính tiền lãi nhiều lần đối với một khoản vay trùng với thời gian đã áp dụng tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn; mặt khác căn cứ vào bản sao Trích lục khai tử số: 212/TLKT-BS ngày

04/5/2016 của Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Lê Trí N đã chết vào ngày 10/4/2016, ông N không có con, có cha là ông Lê Văn C đã chết (Theo giấy chứng tử số: 08 ngày 28/02/2011 của Ủy ban nhân dân Xã G, huyện H, tỉnh Thanh Hóa) còn mẹ là bà Lê Thị M đã từ chối nhận di sản của ông N chết để lại (Theo văn bản khai nhận di sản thừa kế số công chứng: 011651 ngày 29/6/2016 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị T1) nên Hội đồng xét xử chỉ buộc bà T phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nghĩ buộc bà T trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc 755.600.000 đồng, tiền lãi trong hạn 169.410.951,67 đồng, tiền lãi quá hạn 4.081.445,37 đồng, tổng cộng: 929.092.397 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là thỏa đáng và phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đối với khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ngân hàng yêu cầu bà T có trách nhiệm tiếp tục trả lãi cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là có cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Do ngân hàng đã nỗ lực tìm kiếm, cũng như nhờ cơ quan chức năng hỗ trợ tìm kiếm, thu hồi tài sản thế chấp nhưng không có kết quả nên đối với yêu cầu của ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô Mazda CX-5, biển kiểm soát: 51F-560.54 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 126004 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/12/2015, Hội đồng xét xử chấp nhận vì hợp đồng thế chấp xe ô tô số 096/16/HĐTC/101-62 ngày 30/3/2016 mà các bên ký kết tuân thủ các quy định tại Điều 342, 343, 348, 349, 350, 351, 355 Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị định số: 163/20006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận trong hợp đồng.

[3]. Xét lời trình bày của ông P là đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông P đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với bà T trước vì bà T phải chờ kết quả giải quyết của Tòa án về hợp đồng tín dụng mà ngân hàng khởi kiện bà T. Sau khi có kết quả giải quyết của Tòa án về hợp đồng tín dụng này thì bà T mới xem xét có khởi kiện ông D về hợp đồng mua bán xe hay không nên Hội đồng xét xử nhận thấy đối với thỏa thuận mua bán xe giữa bà T và ông D thì bà T, ông D có thể khởi kiện bằng một vụ án khác nếu các bên có tranh chấp.

[4]. Xét lời trình bày của ông D: Do ông Nguyễn Tiến K là nhân viên ngân hàng có nói với ông là bên ngân hàng có chiếc xe ô tô Mazda CX-5, biển kiểm soát: 51F-560.54 do ông Lê Trí N đứng tên cần thanh lý nên ông giới thiệu ông Phạm Thanh H mua xe của ông Lê Trí N việc mua bán xe giá bao nhiêu do hai bên thỏa thuận. Ông có ký vào biên bản bán xe ngày 09/5/2016 ghi bên bán là bà Nguyễn Thị Minh T và bên mua là ông Nguyễn Quang D vì bà Nguyễn

Thị Minh T và ông Phạm Thanh H không quen biết nhau nên ông và ông Nguyễn Tiến K đi cùng phải ký vào biên bản bán xe thì bà T mới giao xe. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã xác minh, thu thập chứng cứ tại các cơ quan lưu giữ thông tin cũng như yêu cầu các bên liên quan cung cấp thông tin về ông Phạm Thanh H nhưng cũng không xác định được các thông tin về ông Phạm Thanh H nên Tòa án không đưa ông Phạm Thanh H vào tham gia tố tụng trong vụ án này vì các bên liên quan không tranh chấp về hợp đồng mua bán xe trong cùng vụ án này. Nếu các bên liên quan đến thỏa thuận mua bán xe ô tô Mazda CX-5, biển kiểm soát: 51F-560.54 có tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải trả cho ngân hàng số tiền 929.092.397 đồng nên phải chịu án phí là $36.000.000 + 3\% \times 129.092.397 = 39.872.772$ đồng.

Đối với yêu cầu của ngân hàng về việc buộc ông N trả tiền không được chấp nhận vì ông N đã chết nhưng ngân hàng không phải chịu án phí đối với yêu cầu này vì đây không phải là yêu cầu độc lập mà gắn liền với yêu cầu buộc ông N và bà T trả nợ cho ngân hàng mà Hội đồng xét xử đã chấp nhận buộc bà T trả nợ cho ngân hàng.

Do yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi của ngân hàng không được chấp nhận nên ngân hàng phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận là $8.050.971 \times 5\% = 402.549$ đồng, căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 18.371.738 đồng theo biên lai thu số: AA/2017/0027086 ngày 18/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền 17.969.189 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 3, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 342, Điều 343, Điều 348, Điều 349, Điều 350, Điều 351, Điều 355 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 351, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

1. Buộc Nguyễn Thị Minh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền nợ gốc 755.600.000 đồng, tiền lãi trong hạn 169.410.951,67 đồng và tiền lãi quá hạn 4.081.445,37 đồng, tổng cộng: 929.092.397 đồng (Chín trăm hai mươi chín triệu, không trăm chín mươi hai ngàn, ba trăm chín mươi bảy) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Khi bà T trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có trách nhiệm trả lại cho bà T toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 096/16/HĐTC/101-62 ngày 30/3/2016.

Nếu đến hạn trả nợ mà bà T không trả thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 096/16/HĐTC/101-62 ngày 30/3/2016 là chiếc xe ô tô Mazda CX-5, biển kiểm soát: 51F-560.54 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 126004 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/12/2015 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q về việc buộc ông Lê Trí N và bà Nguyễn Thị Minh T trả tiền phạt chậm trả lãi đối với số tiền 8.050.971 (Tám triệu, không trăm năm mươi ngàn, chín trăm bảy mươi mốt) đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu là 39.872.772 (Ba mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi hai ngàn, bảy trăm bảy mươi hai) đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q phải chịu là 402.549 (Bốn trăm lẻ hai ngàn, năm trăm bốn mươi chín) đồng, căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 18.371.738 (Mười tám triệu, ba trăm bảy mươi mốt ngàn, bảy trăm ba mươi tám) đồng theo biên lai thu số: AA/2017/0027086 ngày 18/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần

Q 17.969.189 (Mười bảy triệu, chín trăm sáu mươi chín ngàn, một trăm tám mươi chín) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Mạnh Cường

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN